

CHỈNH LÝ VÀ CẬP NHẬT TÊN KHOA HỌC CÁC LOÀI HÀU ĐANG NUÔI Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Cao Văn Nguyễn*, Bùi Quang Nghị
Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm KHCNVN
*caovannguyen74@yahoo.com

Tóm tắt: Danh mục các loài hàu ở Việt Nam được báo cáo khoảng 31 loài nhưng thiếu mẫu vật, hình ảnh minh họa, nơi lưu mẫu, nguồn gốc số liệu thu thập. Một số báo cáo nhầm lẫn tên hoặc sử dụng tên đồng vật của nhau (synonym) trong phân loại học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thu thập mẫu các loài đang được nuôi, ghi nhận nơi phân bố, chỉnh lý và cập nhật định loại theo hệ thống WoRMS (World Register of Marine Species). Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 loài hàu đang nuôi phổ biến hiện nay: *Magallana ariakensis* (Fujita, 1913); *Magallana belchery* (Sowerby, 1871); *Magallana bilineata* (Röding, 1798); *Magallana gigas* (Thunberg, 1793); *Magallana hongkongensis* (Lam, Morton, 2003).

Từ khóa: thành phần loài hàu, nuôi hàu.

1. Giới thiệu

Danh mục các loài hàu (Ostreidae) ở Việt Nam được báo cáo khoảng 31 loài (Hylleberg & Kilburn, 2003), trong đó một số loài là tên đồng vật của nhau (synonym) và một số loài đang nuôi nhưng nguồn giống không phải nguồn gốc phân bố ở vùng biển Việt Nam như hàu Thái Bình Dương (*Magallana gigas*), hàu hồng Kông (*Magallana hongkongensis*). Để nhận diện sự khác biệt giữa các loài hàu đang nuôi bằng hình thái bên ngoài không phải dễ dàng đối với người nuôi, người tiêu thụ.

Báo cáo này đã chỉnh lý, cập nhật lại tên khoa học, sử dụng vết cơ khép vỏ của hàu như là đặc điểm nhận dạng nhanh về sự khác biệt hình thái đặc trưng giữa các loài.

2. Tài liệu và phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các tác giả đã công bố về thành phần loài hàu vùng biển Việt Nam (Bảng 1). Cập nhật lại tên khoa học mới theo WoRMS-World Register of Marine Species (www.marinespecies.org/aphia).

- Thu thập mẫu vật các loài đang nuôi ở các tỉnh: Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh (Cần Giờ), Bà Rịa-Vũng Tàu, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Thừa Thiên-Huế, Quảng Ninh.

- Định loại hàu: Theo phương pháp so sánh hình thái của nhóm tác giả (Lam & Morton, 2003, 2004, và 2006). Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng đặc điểm vết cơ khép vỏ của các loài hàu như là điểm đặc trưng khác biệt giữa các loài đang nuôi Việt Nam (Hình 1).

- Bảo quản mẫu vật: Vỏ mẫu hàu khô được lưu giữ Bảo tàng Viện Hải dương học và tại phòng Công nghệ nuôi trồng.



Hình 1: Sơ đồ mô tả vị trí vết cơ khép vỏ

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thành phần loài hàu đang nuôi đã được công bố và cần cập nhật lại tên khoa học

Bảng 1. Thành phần loài hàu đang nuôi ở Việt Nam

STT	Tên khoa học công bố	Tác giả, năm công bố	Tên khoa học cập nhật, điều chỉnh
1	<i>Crassostrea belcheri</i> (Sowerby, 1871)	Ngô Anh Tuấn và cs., 2005	<i>Magallana belcheri</i> (Sowerby, 1871)
2	<i>Crassostrea belcheri</i> Sowerby, 1871)	Ngô Anh Tuấn và cs, 2008	<i>Magallana belcheri</i> (Sowerby, 1871)
3	<i>Crassostrea rivulatis</i> (Gould, 1861)	Ngô Thị Thu Thảo & Trần Tuấn Phong, 2012	<i>Magallana ariakensis</i> (Fujita, 1913)
4	<i>Crassostrea belcheri</i> (Sowerby, 1871)	Ngô Thị Thu Thảo và cs. 2018	<i>Magallana belcheri</i> (Sowerby, 1871)
5	<i>Crassostrea rivulatis</i> (Gould, 1861)	Phạm Đức Minh và cs., 2016	<i>Magallana ariakensis</i> (Fujita, 1913)
6	<i>Crassostrea rivulatis</i> (Gould, 1861)	Trần Quốc Dung và cs., 2018	<i>Magallana ariakensis</i> (Fujita, 1913)
7	<i>Crassostrea lugubris</i> (Sowerby, 1871).	Cao Văn Nguyễn & Nguyễn Tác An, 2006	<i>Magallana bilineata</i> (Röding, 1798)
8	<i>Crassostrea lugubris</i> (Sowerby, 1871)	Cao Van Nguyen và cs., 2014	<i>Magallana bilineata</i> (Röding, 1798)
9	<i>Crassostrea gigas</i> Thünberg, 1793	Cao Van Nguyen và cs., 2016	<i>Magallana gigas</i> (Thunberg, 1793)

3.2. Đặc điểm cơ khép vỏ của 5 loài hào đang nuôi thương phẩm ở Việt Nam

Bảng 2. Đặc điểm khác biệt về vết cơ khép vỏ của 5 loài hào đang nuôi

STT	Tên loài	Đặc điểm cơ khép vỏ
1	Hào cửa sông, <i>Magallana ariakensis</i> (Fujita, 1913)	Dạng lưới liềm, màu đen, nằm lệch về mặt sau của bụng (Hình 2).
2	Hào hồng không, <i>Magallana hongkongensis</i> (Lam & Morton, 2003)	Dạng chữ D, màu nâu đen, nằm ở giữa trung tâm vỏ theo chiều dọc và lệch về mặt sau của bụng (Hình 3).
3	Hào trắng, <i>Magallana belcheri</i> (Sowerby II, 1871)	Dạng lưới liềm, màu trắng, khác biệt rõ với các loài (Hình 4).
4	Hào sữa, <i>Magallana bilineata</i> (Röding, 1798)	Dạng quả thận, màu tím đậm (đen) hoặc màu hồng trên cả hai vỏ, nằm lệch về phía bụng (Hình 5).
5	Hào Thái Bình Dương, <i>Magallana gigas</i> (Thunberg, 1793)	Vết cơ khép vỏ lớn và kéo dài, thường có màu hồng, màu tím đậm, nằm lệch phía mặt sau lưng, trên vết cơ khép vỏ thỉnh thoảng có các đường vân sinh trưởng màu tím (Hình 6).

3.3. Hệ thống phân loại học các loài hào đang nuôi ở Việt Nam

Suborder Ostreina Férussac, 1822

Superfamily Ostreioidea Rafinesque, 1815

Họ Ostreidae Rafinesque, 1815

Họ phụ Crassostreinae Torigoe, 1981

Giống *Magallana* Salvi & Mariottini, 2016

Hào *Magallana ariakensis* (Fujita, 1913), Hình 2

Tên thông thường: Hào cửa sông, hào thịt đỏ.

Tên tiếng Anh: Suminoe oyster-red meat oyster.

Tên đồng vật (Synonyms): *Crassostrea paulucciae* Crosse, 1870; *Ostrea palmipes* Soweby, 1871; *Ostrea rivularis* Lischke, 1869; *Ostrea ariakensis* Fujita, 1913. *Crassostrea ariakensis* (Fujita, 1913)

Đặc điểm nhận dạng nhanh: Vỏ thường dạng tròn trứng, hào thành phẩm có kích thước lớn, từ 100-110 mm chiều cao vỏ và chiều dài 80-85 mm, các phiến sinh trưởng xếp đồng tâm. Bên trong vỏ màu trắng, vết cơ khép vỏ dạng lưới liềm, màu đen, hoặc nâu nằm lệch về mặt sau của phần bụng.

Phân bố trên thế giới: Xuất hiện ngoài tự nhiên ở Nhật Bản, dọc theo các vùng vịnh, cửa sông Trung Quốc (Lam, Morton, 2003).



Hình 2: Hàu cửa sông *Magallana ariakensis* (Fujita, 1913)

Phân bố ở Việt Nam: Tìm thấy cửa Sông Chanh, thị xã Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh. Hiện trạng loài này đang được nuôi bằng bè nổi ở Sông Chanh (xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh). Nguồn gốc giống nuôi nhập từ Trung Quốc.

Hiện trạng phân loại học: Phân loại học hiện nay các loài hàu trong giống *Crassostrea* được thay thế bằng tên giống là *Magallana* (Salvi, Mariottini, 2016). Ở Việt Nam trong các tài liệu, báo cáo trước đây về hàu cửa sông thường sử dụng tên *Crassostrea rivularis*. Trên thực địa loài này thường chỉ bắt gặp ở sông Bạch Đằng, Sông Chanh - Quảng Yên (Quảng Ninh).

Hàu Hồng Kông *Magallana hongkongensis* (Lam & Morton, 2003), Hình 3

Tên thông thường: Hàu hồng kông, hàu thịt trắng.

Tên tiếng Anh: Hong Kong cultured oyster-white meat-oyster

Tên đồng vật (Synonym): *Crassostrea hongkongensis* (Lam & Morton, 2003)

Đặc điểm nhận dạng nhanh: Vỏ hình dạng thuôn dài, dày và cứng, hàu thành phẩm có kích thước lớn từ 100-125 mm theo chiều cao vỏ và chiều dài 75-80 mm. Vết cơ khép vỏ hình dạng chữ D, màu nâu đen, nằm giữa trung tâm vỏ theo chiều dọc và hơi lệch về mặt sau của bụng.

Phân bố trên thế giới: Ở vịnh Hồng Kông, trong vùng trung triều và dưới triều, là loài đặc hữu của vùng Biển Đông (Lam & Morton, 2003).

Phân bố ở Việt Nam: Hàu Hồng Kông được nhập giống vào Việt Nam.

Hiện trạng nuôi: Loài này đang được nuôi bằng bè nổi cùng với loài hàu cửa sông *Magallana ariakensis* ở Sông Chanh thuộc xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh, nguồn gốc giống nuôi nhập từ Trung Quốc.



Hình 3: Hàu Hồng Kông *Magallana hongkongensis* (Lam & Morton, 2003)

Hàu trắng *Magallana belcheri* (Sowerby II, 1871), Hình 4

Tên thông thường: Hàu cơ khép vỏ trắng (hàu trắng).

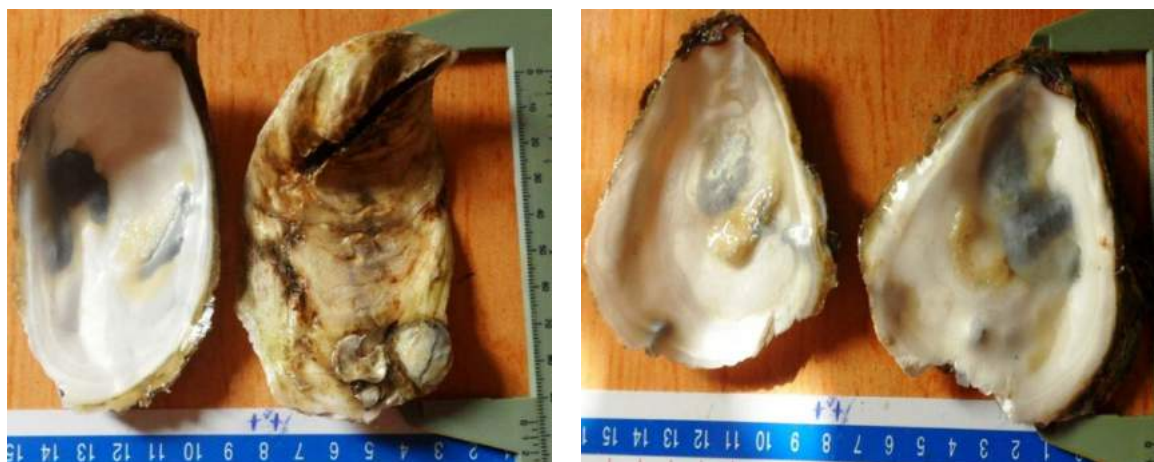
Tên tiếng Anh: Belcher's oyster (Soweby, 1870), white scar oyster.

Tên đồng vật (Synonym): *Ostrea belcheri* Sowerby, 1871; *Crassostrea belcheri* Sowerby, 1871).

Đặc điểm nhận dạng nhanh: Hàu có kích thước lớn, vỏ dày, hình dạng ô van dài hoặc hình trứng, hoặc gần tam giác. Vỏ trái thường lõm sâu hơn vỏ phải, vành miệng không có răng (chomata). Vết cơ khép vỏ màu trắng, dạng lưỡi liềm là hai đặc điểm nhận dạng chủ yếu của loài.

Phân bố trên thế giới: Tìm thấy ở vịnh Siam, vùng cửa sông Thái Lan, Malaysia, Singapore, Hồng Kông, vùng ven bờ đảo Sumatra Java-Indonesia, Sulu, Celebes, Philippines, vùng biển Pakistan (Bussarawit, Cedhagen, 2010).

Phân bố ở Việt Nam: Hàu trắng *Magallana belcheri*, tìm thấy ở vùng cửa sông Long Sơn, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vùng biển Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (Ngô Anh Tuấn và cs, 2005), vùng kênh rạch các huyện ven biển Bến Tre (Ngô Thị Thu Thảo và cs, 2018). Trong nghiên cứu này cũng tìm thấy ở các kênh rạch ven biển huyện Bình Đại, Ba Tri, tỉnh Bến Tre; vùng cửa sông Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; vùng kênh rạch thị trấn Gành Hào, tỉnh Bạc Liêu; vùng kênh, lạch xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; vùng ven biển Ba Hòn, tỉnh Kiên Giang.



Hình 4. Hàu trắng *Magallana belcheri* (Sowerby II, 1871)

Hiện trạng nuôi: Hàu trắng *Magallana belcheri* là loài nuôi phổ biến khu vực vịnh Thái Lan, Malaysia, Campuchia (Bussarawit, Cedhagen, 2010). Ở Việt Nam, hàu phân bố tự nhiên trong các rừng ngập mặn ven biển các tỉnh miền Đông, Tây Nam Bộ. Hiện trạng loài này đang nuôi ở sông Chà Và thuộc xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ở vùng ven biển huyện Cần Giờ, Thành Phố Hồ Chí Minh; ở kênh rạch thuộc xã Thừa Đức (huyện Bình Đại), xã Bảo Thuận (huyện Ba Tri), tỉnh Bến Tre; kênh rạch thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; vùng kênh rạch tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau. Nguồn giống nuôi từ nguồn tự nhiên, nuôi thương phẩm bằng giàn treo, bè nổi.

Trong nghiên cứu này chúng tôi xem xét tên hàu *Crassostrea rivularis* thu giống ở Bạc Liêu của các tác giả (Ngô Thị Thu Thảo & Trần Tuấn Phong, 2012; Phạm Đức Minh và cs. 2016) như là loài *Magallana belcheri*.

Hàu sứa *Magallana bilineata* (Röding, 1798), Hình 5

Tên thông thường: Hàu nhiệt đới, hàu đen, hàu muống, hàu sứa.

Tên tiếng Anh: Slipper-shaped oyster, black-scar oyster.

Tên đồng vật (Synonym):

Ostrea bilineata Röding, 1798; *Ostrea lugubris* Sowerby, 1871; *Crassostrea lugubris* (Sowerby, 1871); *Ostrea iredalei* Faustino, 1932; *Crassostrea iredalei*, (Faustino, 1932)

Đặc điểm nhận dạng nhanh: Vỏ dày và cứng, vỏ trái lõm sâu, bên trong mép vỏ thường có màu nâu đen, kích thước hàu thành phẩm theo chiều cao vỏ từ 75-80 mm, chiều dài từ 45-55 mm. Vết cơ khép vỏ hình có dạng quả thận màu đen hoặc màu hồng, là đặc điểm nhận dạng chính của loài.

Phân bố trên thế giới: Biển Đông, biển Andaman, vịnh Thái Lan, Papua New Guinea, Philippines (Bussarawit, Cedhagen, 2010).



Hình 5: Hàu sữa *Magallana bilineata* (Röding, 1798)

Phân bố ở Việt Nam: Tìm thấy ở đầm Lăng Cô, Thừa Thiên-Huế; vùng biển xã An Hòa, Quảng Nam; đầm Thị Nại, Bình Định; đầm Nha Phu, Khánh Hòa; Đầm Nại, Ninh Thuận (Cao Van Nguyen và cs. 2014).

Hiện trạng nuôi: Hiện trạng loài này đang nuôi phổ biến ở khu vực miền Trung như đầm Lăng Cô, Thừa Thiên-Huế; đầm Thị Nại, Bình Định; vùng biển Sông Cầu, Phú Yên; đầm Nha Phu, Khánh Hòa; Đầm Nại, Ninh Thuận. Nguồn giống nuôi từ nguồn tự nhiên, nuôi thương phẩm bằng hình thức nuôi cọc, nuôi giàn treo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét tên hàu *Crassostrea rivularis* thu mẫu ở vịnh Lăng Cô của nhóm tác giả (Trần Quốc Dung và cs., 2018) như là hàu *Magallana bilineata*.

Hàu Thái Bình Dương *Magallana gigas* (Thunberg, 1793), Hình 6

Tên thông thường: Hàu Thái Bình Dương.

Tên tiếng Anh: Pacific oyster.

Tên đồng vật (Synonym): *Ostrea gigas* Thunberg, 1793; *Crassostrea gigas* (Thunberg, 1793).

Vỏ trái lõm sâu, vỏ phải đẹp và hơi cong. Bên trong vỏ màu trắng, vết cơ khép vỏ lớn và kéo dài, thường có màu hồng, màu tím đậm, nằm lệch phía mặt sau lưng, trên vết cơ khép vỏ hình thoi có các đường vân sinh trưởng màu tím, vị trí cơ khép vỏ nằm ở giữa vỏ và lệch hướng về phía lưng.

Phân bố trên thế giới: Tìm thấy vùng biển Nhật Bản, Hàn Quốc, vùng biển Maritime-Nga, biển Yellow Sea-Trung Quốc.

Phân bố ở Việt Nam: Hàu Thái Bình Dương đã được nhập vào Việt Nam từ Đài Loan (Trung Quốc) đầu năm 2006 và được nuôi đầu tiên tại vịnh Bái Tử Long.



Hình 6. Hàu *Magallana gigas* (Thunberg, 1793)

Đặc điểm nhận dạng nhanh: Vỏ dài có màu xám xanh, mép vỏ có các cạnh (khía) cao.

Hiện trạng nuôi: Hàu Thái Bình Dương là loài nuôi phổ biến ở Việt Nam trong các vũng vịnh, eo biển miền Trung như đầm Thị Nại (Bình Định), vùng biển Sông Cầu (Phú Yên), đầm Nha Phu, đầm Thủy Triều (Khánh Hòa), đầm Nại (Ninh Thuận), vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long (Quảng Ninh). Giống nuôi từ nguồn sinh sản nhân tạo trong nước. Hàu có tốc độ sinh trưởng nhanh, có những ưu việt hơn các loài hàu khác như kích thước và khối lượng cơ thể lớn, nguồn giống nuôi ổn định.

Kết luận

Đã hiệu chỉnh và cập nhật lại 5 loài hàu đang nuôi ở Việt Nam: hàu cửa sông (*Magallana ariakensis* (Fujita, 1913)), hàu hồng Kông (*Magallana hongkongensis* (Lam & Morton, 2003)), hàu trắng (*Magallana belcheri* (Sowerby, 1871)), hàu sữa (*Magallana bilineata* (Röding, 1798)), hàu thái bình dương (*Magallana gigas* (Thunberg, 1793)).

Tài liệu tham khảo

- Bussarawit S., Cedhagen T., 2010. *The oyster fauna of Thailand*. Kyoto University Press, Kyoto, 43 pp.
- Cao Van Nguyen, Nguyen Tac An, Ho Van The. Biological Characteristics of the Oyster, *Crassostrea lugubris* in Central Coastal Vietnam. World Aquaculture 2014; Sep; 52-4.
- Hylleberg J., Kilburn R.N., 2003. Marine molluscs of Vietnam. Annotations, voucher material, and species in need of verification Phuket Marine Biological Center Special Publication 28: 1-300.

- Lam K., Morton B., 2003. Mitochondrial DNA and morphological identification of a new species of *Crassostrea* (Bivalvia: Ostreidae) cultured for centuries in the Pearl River Delta, Hong Kong, China. *Aquaculture*, 228: 1-13.
- Lam K., Morton B., 2004. The oysters of Hong Kong. (Bivalvia: Ostreidae and rypphaeidae). *The Raffles Bulletin of Zoology*, 52(1): 11-28.
- Lam K., Morton B., 2006. Morphological and mitochondrial - DNA analysis of the Indo-West Pacific rock oysters (Ostreidae: *Saccostrea* species). *Journal of Molluscan Studies*, 72(3): 235-245.
- Ngô Anh Tuấn, Châu Văn Thanh, Vũ Trọng Đại, 2005. Một số đặc điểm sinh học sinh sản của hàu *Crassostrea belcheri* (Sowerby, 1871) ở sông Chà Và, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Báo cáo khoa học hội thảo động vật thân mềm toàn quốc lần 4. Nha Trang: Nhà xuất bản Nông nghiệp, p. 263-73.
- Ngô Anh Tuấn, Vũ Trọng Đại, Châu Văn Thanh và Nguyễn Đăng Nhân, 2008. Kết quả nuôi thử nghiệm hàu *Crassostrea belcheri* (Sowerby, 1871) tại cửa sông Chà Và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuyển tập báo cáo khoa học hội thảo động vật thân mềm toàn quốc lần thứ 5. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội: 288-300.
- Ngô Thị Thu Thảo, Trần Tuấn Phong, 2012. Ảnh hưởng của các mật độ nuôi kết hợp hàu cửa sông (*Crassostrea rivularis*) với tôm thẻ chân trắng (*Penaeus vannamei*). Kỷ yếu hội nghị khoa học thủy sản lần thứ 4, Trường Đại học Cần Thơ: 405-416.
- Ngô Thị Thu Thảo, Dương Minh Thùy, Hứa Thái Nhân, Trần Ngọc Hải, 2018. Một đặc điểm hình thái hàu (*Crassostrea belcheri*) và mô hình nuôi hàu tại tỉnh Bến Tre. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ. Phần B. Nông nghiệp thủy sản và Công nghệ sinh học.
- Ogburn D.M., 2011. The NSW Oyster Industry: A Risk Indicator of Sustainable Coastal Policy and Practice. A thesis submitted for the degree of doctor of philosophy at the Australian National University.
- Phạm Đức Minh, Trần Thị Thu Thảo, Trần Ngọc Tuấn, 2016. Phân tích khía cạnh kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi hàu cửa sông (*Crassostrea rivularis*) trong bè ở Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam.
- Salvi D., Macali A., Mariottini P., 2014. Molecular phylogenetics and systematics of the bivalve family Ostreidae based on rRNA sequence-structure models and multilocus species tree. *PLoS ONE* 9: e108696.
- Salvi D., Mariottini P., 2016. Molecular taxonomy in 2D: a novel ITS2 rRNA sequence-structure approach guides the description of the oysters' subfamily Saccostreinae and the genus *Magallana* (Bivalvia: Ostreidae). *Zoological Journal of the Linnean Society*. 179(2): 263-276., available online at <https://doi.org/10.1111/zoj.12455>.
- Trần Quốc Dung, Nguyễn Thị Tường Vi, Trần Văn Giang, Nguyễn Văn Thuận, 2018. Một số đặc điểm hình thái của hàu cửa sông *Crassostrea rivulatis* (Gould, 1861), ở miền Trung Việt Nam. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 27, số 1B.

- Wang H., Guo X., Zhang G., Zhang F., 2004. Classification of jinjiang oysters *Crassostrea rivularis* (Gould, 1861) from China based on morphology and phylogenetic analysis. *Aquaculture* 242:137-155.
- Wang Haiyan, Guofan Zhang, Xiao Liu and Ximing Guo, 2008. Classification of a Common Cupped Oyster from Northern China. *Journal of Shellfish Research*, Vol. 27, No. 3, 495-503.
- Wang Haiyan, Lumin Qian, Xiao Liu, Guofan Zhang and Ximing Guo, 2010. Classification of a Common Cupped Oyster from Southern China. *Journal of Shellfish Research*, Vol. 29, No. 4, 857-866. DOI: 10.2983/035.029.0420. www.marinespecies.org/aphia (WoRMS: World Register of Marine Species).

READJUST AND UPDATE ON SCIENTIFIC NAME OF GROW-OUT OYSTERS CULTURED IN VIETNAM'S COASTAL WATERS

Cao Van Nguyen^{*}, Bui Quang Nghi
Institute of Oceanography, VAST
^{*}caovannnguyen74@yahoo.com

Abstract: The list of species of oysters in Vietnam is reported to be around thirty-one species but lack of specimens, illustrations, storage place, and source of collected data. Some reports confuse names or use synonyms in taxonomy. In this study, we collected samples of grow-out cultured species, recorded the distribution, readjusted and updated the taxonomy according to the World Register of Marine Species system. The research results show that there are five species of grow-out cultured oysters: *Magallana ariakensis* (Fujita, 1913); *Magallana belcheri* (Sowerby, 1871); *Magallana bilineata* (Röding, 1798); *Magallana gigas* (Thunberg, 1793); *Magallana hongkongensis* (Lam & Morton, 2003).

Keywords: oyster species composition, culture of oyster.